

CÔNG TY CỔ PHẦN CHUÔNG DƯƠNG

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010**

MỤC LỤC

Trang

1.	BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
2.	BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
3.	BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	4 - 7
4.	BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
5.	BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
6.	THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 28

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban giám đốc Công ty cổ phần Chương Dương (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con (gọi tắt là “Nhóm công ty”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty cổ phần Chương Dương là công ty cổ phần được chuyển đổi từ Công ty Xây dựng thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 theo quyết định số 1589/QĐ-BXD ngày 20 tháng 11 năm 2003 của Bộ Xây dựng về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây lắp thuộc Tổng Công ty Xây dựng số 1 thành Công ty cổ phần và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4103002011 ngày 29 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 30 tháng 3 năm 2010.

Ngành, nghề kinh doanh của Công ty là: Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0,4KV đến 110KV. Sản xuất, kinh doanh, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc. Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội-ngoại thất công trình. Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.

Công ty có trụ sở tại 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

CÔNG TY CON

Trong năm tài chính 2010, công ty có 5 công ty con sau đây:

- 1/ Công ty TNHH Chương Dương số 1
- 2/ Công ty TNHH TM Chương Dương
- 3/ Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Chương Dương
- 4/ Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thuận Thành Phát
- 5/ Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn

CÔNG TY LIÊN KẾT

Công ty có 1 công ty liên kết là công ty cổ phần Tháp Nam Việt. Trong năm 2010, công ty này tạm ngừng hoạt động.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc thuyết minh trên báo cáo tài chính.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Lợi nhuận thuần sau thuế cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2010 của Công ty là: **28,859,115,491 đ**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này như sau:

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị

1. Ông Trần Mai Cường	Chủ tịch
2. Ông Văn Minh Hoàng	Phó chủ tịch
3. Ông Đặng Trung Chính	Thành viên
4. Ông Thái Văn Thọ	Thành viên
5. Ông Nguyễn Văn Đạt	Thành viên

Ban Giám đốc

1. Ông Lê Văn Chính	Tổng giám đốc
2. Ông Thái Văn Thọ	Phó Tổng giám đốc
3. Ông Văn Minh Hoàng	Phó Tổng giám đốc
4. Ông Nguyễn Hoài Nam	Phó Tổng giám đốc

Ban kiểm soát và kế toán trưởng

1. Ông Lê Hữu Hòa	Trưởng ban
2. Ông Phạm Văn Hợi	Thành viên
3. Bà Nguyễn Thị Ngọc Dung	Thành viên
4. Ông Văn Minh Hoàng	Kế toán trưởng

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 phản ánh trung thực và hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của nhóm công ty trong năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban giám đốc đã:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục.

Ban giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo sổ sách kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã đăng ký. Ban giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2010, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với hệ thống kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31/03/2011
Thay mặt Ban giám đốc



LÊ VĂN CHÍNH
Tổng giám đốc



Số: 20110331001

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 03 năm 2011

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG CHO NĂM
TÀI CHÍNH KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2010

Kính gửi: Ban Giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc kết thúc cùng ngày, được lập ngày 31/03/2011 và được trình bày từ trang 4 đến trang 28.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2010, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.



Lê Văn Thanh

Tổng Giám đốc

Chứng Chỉ KTV số 0357/KTV

Nguyễn Phương Lan Anh

Kiểm toán viên

Chứng Chỉ KTV số 0673/KTV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		639,113,751,454	424,776,655,164
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	25,339,546,966	39,055,954,264
1. Tiền	111		24,739,546,966	36,755,954,264
2. Các khoản tương đương tiền	112		600,000,000	2,300,000,000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		24,313,229,600	12,941,279,000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		26,134,478,209	14,031,316,291
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(1,821,248,609)	(1,090,037,291)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.2	263,848,376,733	220,490,777,647
1. Phải thu khách hàng	131		242,696,654,823	138,564,878,911
2. Trả trước cho người bán	132		30,090,918,383	90,836,414,723
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		25,000,000	-
5. Các khoản phải thu khác	135		2,569,242,311	1,792,294,711
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(11,533,438,784)	(10,702,810,698)
IV. Hàng tồn kho	140	V.3	309,505,437,025	140,649,200,778
1. Hàng tồn kho	141		309,505,437,025	140,649,200,778
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16,107,161,130	11,639,443,475
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		16,476,199	53,951,245
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		69,534,397	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16,021,150,534	11,585,492,230
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		83,668,629,832	88,693,122,641
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		27,810,461,776	29,925,419,964
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.4	24,813,599,318	26,694,215,110
<i>Nguyên giá</i>	222		60,227,616,390	58,654,393,261
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(35,414,017,072)	(31,960,178,151)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.5	2,996,862,458	3,231,204,854
<i>Nguyên giá</i>	228		4,686,848,000	4,686,848,000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1,689,985,542)	(1,455,643,146)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.6	48,531,749,023	44,342,622,737
<i>Nguyên giá</i>	241		52,257,110,810	46,633,928,942
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(3,725,361,787)	(2,291,306,205)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5,093,152,646	5,403,931,285
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		593,152,646	903,931,285

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.7	4,500,000,000	4,500,000,000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		2,233,266,387	9,021,148,655
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8	1,985,316,927	8,957,490,655
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		247,949,460	63,658,000
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		722,782,381,286	513,469,777,805

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		476,373,252,864	363,389,318,615
I. Nợ ngắn hạn	310		417,547,375,962	348,891,693,214
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	151,190,950,285	122,459,859,997
2. Phải trả người bán	312	V.10	154,160,909,847	67,168,538,707
3. Người mua trả tiền trước	313		11,941,275,341	14,669,804,091
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	28,503,757,494	54,943,177,421
5. Phải trả người lao động	315		5,961,003,869	4,516,333,418
6. Chi phí phải trả	316	V.12	36,434,489,733	61,071,135,502
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	26,875,066,685	21,245,566,478
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2,479,922,708	2,817,277,600
II. Nợ dài hạn	330		58,825,876,902	14,497,625,401
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		6,992,818,214	5,952,955,946
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.14	51,742,119,000	8,544,669,455
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		90,939,688	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		246,409,128,423	149,845,632,739
I. Vốn chủ sở hữu	410		246,240,173,814	149,845,632,739
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.15	124,657,150,000	64,657,150,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		77,142,009,600	48,476,809,600
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13,480,100,370	11,556,782,318
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		5,407,948,206	4,034,149,598
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25,552,965,638	21,120,741,223
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C- LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		168,954,609	234,826,451
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		722,782,381,286	513,469,777,805

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	TM	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
USD			
EUR			
BATH			
HKD			
JPY			
NDT			
MACAU			
CAD			
REAL			
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



Văn Minh Hoàng
Kế toán trưởng



TP Hồ Chí Minh, ngày 31/03/2011

Lê Văn Chính
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2010

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	382,406,853,967	311,981,464,018
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		382,406,853,967	311,981,464,018
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	319,577,889,128	269,526,983,146
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		62,828,964,839	42,454,480,872
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3,558,691,646	2,477,367,053
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	12,878,384,887	4,067,771,827
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>11,409,704,764</i>	<i>3,407,893,478</i>
8. Chi phí bán hàng	24		671,843,347	848,954,220
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		14,168,498,406	9,560,625,819
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		38,668,929,845	30,454,496,059
11. Thu nhập khác	31		889,443,705	2,302,825,264
12. Chi phí khác	32		838,034,882	1,034,167,676
13. Lợi nhuận khác	40		51,408,823	1,268,657,588
14. Phần lợi nhuận hoặc lỗ trong công ty liên kết liên doanh	50		(182,106,200)	(396,068,715)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60		38,720,338,668	31,723,153,647
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	61	VI.5	9,861,223,177	9,478,726,313
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	62		-	
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	70		28,859,115,491	22,244,427,334
18.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số			(68,041,404)	(370,532,295)
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty			<u>28,927,156,896</u>	<u>22,218,890,914</u>
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	80	VI.6	<u>2,572</u>	<u>3,444</u>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 31/03/2011



Văn Minh Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Văn Chính
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ*(Theo phương pháp gián tiếp)*

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		38,720,338,668	31,327,084,932
2. Điều chỉnh cho các khoản			-	
- Khấu hao tài sản cố định	02		5,674,511,500	5,521,129,107
- Các khoản dự phòng	03		1,191,261,121	3,028,660,401
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		26,908,967	(1,432,037,499)
- Chi phí lãi vay	06		(11,409,704,764)	3,407,893,478
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi	08		34,203,315,492	41,852,730,419
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		30,437,883,698	(88,855,354,421)
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(53,498,064,040)	(53,642,666,111)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay	11		(70,149,711,795)	39,110,204,710
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		7,009,648,774	(812,211,522)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(11,409,704,764)	(8,879,406,412)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(8,275,712,688)	(5,019,199,285)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		16,516,114	2,425,000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(312,736,708)	(1,327,256,670)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(71,978,565,917)	(77,570,734,292)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các	21		(7,793,104,683)	(2,859,186,099)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các	22		-	57,142,857
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(12,451,500,000)	(29,119,974,574)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của	24		348,338,082	45,392,578,507
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(127,108,631,826)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,000,000	2,401,979,435
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(147,003,898,427)	15,872,540,126
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của	31		208,908,567,568	1,228,900,000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		284,101,349,607	205,209,198,518
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(275,292,809,774)	(130,266,631,961)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(12,465,715,000)	(3,868,629,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		205,251,392,401	72,302,837,557
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(13,716,407,298)	10,604,643,391
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		39,055,954,264	28,451,310,873
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70		25,339,546,966	39,055,954,264



Văn Minh Hoàng
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 31/03/2011

Lê Văn Chính
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty cổ phần Chương Dương (công ty mẹ) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010 bao gồm Báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn) và lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết và các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn : Cổ phần.

2. Ngành nghề kinh doanh :

Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp. Xây dựng các công trình giao thông (cầu, đường), bến cảng, sân bay. Xây dựng các công trình đường dây và trạm biến thế điện từ 0,4KV đến 110KV. Sản xuất, kinh doanh, vật tư, thiết bị, vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn, đóng và ép cọc. Sản xuất, kinh doanh cấu kiện kim loại theo tiêu chuẩn và phi tiêu chuẩn. Dịch vụ cho thuê và kinh doanh quản lý nhà cao tầng. Kinh doanh phát triển nhà, hạ tầng kỹ thuật khu đô thị, khu công nghiệp. Thiết kế, chế tạo, gia công và lắp đặt thiết bị áp lực và thiết bị nâng. Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình. Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp. Thiết kế nội-ngoại thất công trình. Thiết kế kết cấu công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng. Thiết kế công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị. Thi công lắp đặt thiết bị phòng cháy chữa cháy.

3. Tổng số các công ty con, công ty liên kết và đơn vị hạch toán phụ thuộc: 6.

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 05

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0.

Đơn vị hạch toán phụ thuộc được hợp nhất: 0.

Công ty liên kết được hợp nhất: 1.

4. Danh sách công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty TNHH Chương Dương số 1	245C Nguyễn Trãi, phường Nguyễn Cư Trinh Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh	67%	67%
Công ty TNHH TM Chương Dương	225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Chương Dương	225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	89%	89%
Công ty TNHH Thương mại Xây dựng Thuận Thành Phát	Số 33/3 Đường 12, phường Trường Thọ, Quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%
Công ty TNHH Xây dựng Chương Dương Sài Gòn	225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	88%	88%

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

5. Công ty liên kết mà công ty mẹ áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập báo cáo hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Quyền biểu quyết
Công ty CP Tháp Nam Việt	225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh	40,86%	40,86%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính, kỳ tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Các khoản mục trên Báo cáo tài chính của từng đơn vị trong tập đoàn được trình bày theo đơn vị tiền tệ của quốc gia mà đơn vị đó hoạt động.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo các Chuẩn mực, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

2. Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con. Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con bị thanh lý được đưa vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho tới ngày thanh lý.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của công ty mẹ trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty con tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Các công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần lãi hoặc lỗ của Tập đoàn trong công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào đánh giá về khả năng thu hồi của từng khoản nợ.

6. Tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 30
Máy móc và thiết bị	3 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10
Quyền sử dụng đất	20

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư được công bố tại thuyết minh V.15.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn và lợi thế thương mại được phân bổ dần từ 2 năm đến 10 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1-3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông Công ty mẹ.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế hiện hành

Thuế phải nộp được xác định bằng giá trị dự kiến phải nộp cho nhà nước, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích kế toán.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Trong việc hợp nhất báo cáo tài chính, các chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang đồng Việt Nam (VND) theo tỷ giá cuối kỳ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở nước ngoài được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái) và chỉ được tính vào chi phí hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi Tập đoàn thanh lý khoản đầu tư thuần này.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc niên độ kế toán bằng cách so sánh tỷ lệ của chi phí của hợp đồng phát sinh cho phần công việc đã được hoàn thành đến ngày này so với tổng chi phí hợp đồng, trừ phi tỷ lệ này không đại diện cho mức độ hoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

Địa chỉ: 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, quận 1, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

thành.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

17. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tiền mặt tại quỹ	9,182,591,480	5,369,942,428
- Tiền gửi ngân hàng	15,556,955,486	31,386,011,836
- Các khoản tương đương tiền	600,000,000	2,300,000,000
Cộng	<u>25,339,546,966</u>	<u>39,055,954,264</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

Phụ lục 1

3. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Phải thu về cổ phần hóa	-	-
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-
- Phải thu người lao động		
- Phải thu khác	2,569,242,311	1,792,294,711
Cộng	<u>2,569,242,311</u>	<u>1,792,294,711</u>

4. Hàng tồn kho

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Hàng mua đang đi đường	-	-
- Nguyên liệu, vật liệu	3,097,246,625	9,639,295,576
- Công cụ, dụng cụ	1,000,409,154	1,021,090,071
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	303,649,641,404	129,891,401,156
- Thành phẩm	-	-
- Hàng hóa	1,758,139,842	97,413,975
- Hàng gửi đi bán	-	-
- Hàng hóa kho bảo thuế	-	-
Cộng	<u>309,505,437,025</u>	<u>140,649,200,778</u>

* Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố các khoản nợ vay

-

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm

-

4. Tài sản cố định hữu hình

Phụ lục 2

5. Tài sản cố định vô hình

Phụ lục 4

6. Bất động sản đầu tư

Phụ lục 5

7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Phụ lục 6

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**8. Chi phí trả trước dài hạn**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Chi phí sửa chữa tài sản cố định	-	
- Công cụ, dụng cụ	1,865,316,927	3,608,205,654
- Lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	120,000,000	160,000,000
- Chi phí lãi vay	-	5,189,285,001
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình	-	-
Cộng	<u>1,985,316,927</u>	<u>8,957,490,655</u>

9. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Ngân hàng Đầu tư Phát triển tỉnh Đồng Nai (1)	34,479,743,618	25,056,904,179
- Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 3 (2)	10,000,000,000	-
- Công ty Tài Chính Cao Su	-	80,000,000,000
- Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 (3)	34,471,219,693	10,000,000,000
- Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín (4)	70,000,000,000	4,490,375,818
- Ngân hàng SHB	2,188,386,974	-
- Vay dài hạn đến hạn trả	51,600,000	2,912,580,000
Cộng	<u>151,190,950,285</u>	<u>122,459,859,997</u>

(1) Vay ngân hàng Đầu tư & Phát triển tỉnh Đồng Nai lãi suất từ 1,41%/tháng. Tài sản thế chấp là nhà xưởng, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, công trình, quyền phải thu khối lượng công trình. Mục đích vay thanh toán tiền mua vật tư, khối lượng xây lắp và trả tiền lương công nhân công trình, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(2) Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 3 với lãi suất khoảng 1,41%/tháng, mục đích vay là thanh toán tiền khối lượng thi công xây lắp. Tài sản thế chấp là BĐS tại địa chỉ số 100/6 Lê Thị Hồng Gấm, Phường Nguyễn Thái Bình, Q1, Tp. HCM, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng..

(3) Vay Ngân hàng NN & PTNT - Chi Nhánh 11 với lãi suất khoảng 1,41%/tháng, mục đích vay là thanh toán tiền vật tư & khối lượng các gói thầu của dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương . Tài sản thế chấp là khoản tiền gửi có kỳ hạn 15 tỷ đồng mở tại Ngân hàng, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(4) Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương Tín với lãi suất khoảng 14,5%/năm, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động xây dựng và hoạt động cho thuê văn phòng. Tài sản thế chấp là 02 BĐS tọa lạc tại 225 Bến Chương Dương, Quận 1, Tp. HCM, thời hạn vay 6 tháng, lãi được trả hàng tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**10. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Thuế GTGT	9,664,586,385	37,349,582,849
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	18,167,504,296	16,581,993,807
- Thuế thu nhập cá nhân	385,713,542	817,038,557
- Thuế tài nguyên	-	-
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại thuế khác	-	-
- Các loại phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	285,953,271	194,562,208
Cộng	<u>28,503,757,494</u>	<u>54,943,177,421</u>

11. Chi phí phải trả

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Trích trước tiền lương trong thời gian nghỉ phép	-	-
- Lãi vay phải trả	-	-
- Chi phí phải trả nhà thầu về xây dựng công trình	36,434,489,733	61,071,135,502
Cộng	<u>36,434,489,733</u>	<u>61,071,135,502</u>

12. Khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	2,807,933	11,154,433
- Kinh phí công đoàn	1,312,571,980	1,054,484,820
- Bảo hiểm xã hội	260,596,033	297,837,725
- Bảo hiểm y tế	27,936,458	-
- Phải trả về cổ phần hóa	-	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	25,271,154,281	19,882,089,500
Cộng	<u>26,875,066,685</u>	<u>21,245,566,478</u>

13. Vay và nợ dài hạn

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
a- Vay dài hạn	51,742,119,000	8,544,669,455
<i>Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Hồ Chí Minh (1)</i>	-	5,985,950,455
<i>Công ty Tài Chính Cao Su (2)</i>	50,000,000,000	-
<i>Ngân hàng NN & PTNT - Chi nhánh 11 (3)</i>	1,683,119,000	2,448,119,000
<i>Ngân hàng VID Public (4)</i>	59,000,000	110,600,000
b- Nợ dài hạn	-	-
Cộng	<u>51,742,119,000</u>	<u>8,544,669,455</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(1) Vay ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – CN Thành phố Hồ Chí Minh, theo hợp đồng tín dụng số 0018/TD1/06CD ngày 17 tháng 04 năm 2006, mục đích đầu tư xây dựng trụ sở văn phòng, tài sản đảm bảo là tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay 7 năm, lãi suất 1 %/ tháng, thời hạn thanh toán theo từng kỳ 3 tháng.

(2) Vay công ty Tài Chính Cao Su với lãi suất 1,3%/tháng , mục đích vay là đầu tư dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương, thời hạn vay 24 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(3) Vay ngân hàng Nông nghiệp phát triển nông thôn theo hợp đồng 0748048 ngày 26 tháng 12 năm 2007 với lãi suất 1,41%/tháng, mục đích mua máy móc thiết bị, tài sản đảm bảo bằng tài sản máy móc thiết bị, thời hạn vay là 4 năm, thời hạn thanh toán theo kỳ 3 tháng. Và theo hợp đồng 6480-LAV-201000127 ngày 10 tháng 03 năm 2010 với lãi suất 1,18%/tháng, mục đích vay là thanh toán tiền vật tư & khối lượng các gói thầu của dự án Khu chung cư cao tầng Tân Hương. Tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại 225 Bến Chương Dương, thời hạn vay 18 tháng, lãi được trả hàng tháng.

(4) Vay ngân hàng VID Public theo hợp đồng HCM/CL/08/053 ngày tháng năm với lãi suất 1,42%/tháng, mục đích mua xe con phục vụ thi công. Tài sản thế chấp là tài sản hình thành từ vốn vay, thời hạn vay 48 tháng, lãi được trả hàng tháng.

14. Vốn chủ sở hữu**a- Vốn chủ sở hữu**

Phụ lục 7

b- Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Cuối năm</u>	<u>Đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	29,629,760,000	18,518,600,000
- Vốn góp của đối tượng khác	95,027,390,000	46,138,550,000
Cộng	<u>124,657,150,000</u>	<u>64,657,150,000</u>

c- Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	64,657,150,000	36,000,000,000
- Vốn góp tăng trong năm	60,000,000,000	28,657,150,000
- Vốn góp cuối năm	124,657,150,000	64,657,150,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	18,931,075,000	3,868,629,000
- Chia bằng cổ phiếu	6,465,360,000	
- Chia bằng tiền	12,465,715,000	

d- Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm	20%	20%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông	20%	20%
- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi		
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận		

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**đ- Cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,465,715	6,465,715
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12,465,715	6,465,715
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12,465,715	6,465,715
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại		
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,465,715	6,465,715
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	12,465,715	6,465,715
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Xây lắp	290,476,629,454	246,499,087,431
- Dự án	41,323,912,713	27,372,817,191
- Bán vật tư	16,832,892,859	10,473,403,762
- Cho thuê nhà văn phòng	32,240,837,041	26,448,042,350
- Khác	1,532,581,900	1,188,113,284
Cộng	<u><u>382,406,853,967</u></u>	<u><u>311,981,464,018</u></u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Xây lắp	274,044,029,584	243,634,269,406
- Dự án	16,975,169,804	6,214,109,134
- Bán vật tư	14,393,485,938	8,612,652,187
- Cho thuê nhà văn phòng	12,591,845,441	9,919,211,470
- Khác	1,573,358,361	1,146,740,949
Cộng	<u><u>319,577,889,128</u></u>	<u><u>269,526,983,146</u></u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2,812,795,866	1,401,910,560
- Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	530,662,529	1,038,896,493
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	215,233,251	36,560,000
Cộng	<u><u>3,558,691,646</u></u>	<u><u>2,477,367,053</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**4. Chi phí tài chính**

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	11,409,704,764	3,407,893,478
- Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	-	-
- Chi phí kinh doanh chứng khoán	569,436,482	18,709,777
- Lãi bán ngoại tệ	-	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	-
- Lỗi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	-
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	731,211,318	595,016,067
- Chi phí tài chính khác	168,032,323	46,152,505
Cộng	12,878,384,887	4,067,771,827

5. Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	9,861,223,177	9,305,157,163
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	173,569,150
Cộng	9,861,223,177	9,478,726,313

6. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân	11,248,737	6,465,175
+ Số lượng cổ phiếu phổ thông đầu năm	6,465,175	6,465,175
+ Số lượng cổ phiếu tăng bình quân trong năm	4,783,562	-
. Số lượng cổ phiếu phổ thông tăng	6,000,000	-
. Số ngày tăng cổ phiếu phổ thông	291	-
+ Số lượng cổ phiếu giảm bình quân trong năm	-	-
. Số lượng cổ phiếu phổ thông giảm	-	-
. Số ngày giảm cổ phiếu phổ thông	-	-
- Lợi nhuận sau thuế	28,927,156,896	22,218,890,914
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2,572	3,444

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****3. Thông tin về các bên liên quan**

Tổng tiền lương và thưởng của các lãnh đạo chủ chốt

	Năm nay	Năm trước
- Thù lao Hội đồng quản trị	865,998,134	706,530,000
- Thù lao Ban Kiểm soát	334,001,866	191,049,623
- Thu nhập của Ban Giám đốc	1,501,880,000	1,294,739,700

6. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn		
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản (%)		
- Tài sản dài hạn / Tổng Tài sản	45.24%	49.64%
- Tài sản ngắn hạn / Tổng Tài sản	54.76%	50.36%
1.2. Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)		
- Nợ phải trả / Tổng nguồn vốn	57.15%	61.32%
- Nguồn vốn chủ sở hữu / Tổng nguồn vốn	42.85%	38.68%
2. Khả năng thanh toán		
Khả năng thanh toán hiện hành (lần)	1.75	1.63
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)	1.42	1.67
Khả năng thanh toán nhanh (lần)	0.18	0.25
3. Tỷ suất sinh lời		
3.1. Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế của hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần	15.09%	17.69%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế của hoạt động kinh doanh trên doanh thu thuần	11.31%	13.27%
3.2. Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng Tài sản	17.51%	17.61%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng Tài sản	14.46%	14.87%
3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu	33.74%	38.44%

TP Hồ Chí Minh, ngày 31/03/2011



Văn Minh Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Văn Chính
Tổng giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 1

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Cuối năm		Đầu năm	
	SL	Giá trị	SL	Giá trị
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn		4,764,978,209		5,181,316,291
<i>Công ty CP chứng khoán Sài Gòn (SSI)</i>	8,000	374,935,000	4,000	374.935.000
<i>Công ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam REE</i>	14,960	492,984,000	6,800	492.984.000
<i>Công ty CP Cấp & Vật liệu viễn thông SAM</i>	3,600	176,642,000	3,600	176.642.000
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín (STB)</i>	28,957	507,853,724	21,450	456.373.724
<i>Công ty CP phân đạm & hóa chất dầu khí (DPM)</i>	5,000	239,979,000	5,000	239.979.000
<i>Tổng công ty bảo hiểm dầu khí Việt Nam (PVI)</i>	4,050	112,053,250	3,000	101.553.250
<i>Công ty CP Xi măng Bim Sơn (BCC)</i>	5,000	87,718,750	5,000	87.718.750
<i>Công ty CP Khoáng sản Bắc Kạn (BKC)</i>	-		3,000	111.879.000
<i>Tập đoàn Bảo Việt (BVH)</i>	-		10,000	372.537.762
<i>Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (EIB)</i>	14,400	341,476,800	12,000	341.476.800
<i>Công ty CP Xi măng Hoàng Mai (HOM)</i>	6,000	105,289,800	6,000	105.289.800
<i>Công ty cổ phần Đầu tư Thương mại Thủy sản (ICF)</i>	4,730	92,551,230	4,730	92.551.230
<i>Công ty Cổ phần Nhiệt điện Phả Lại (PPC)</i>	3,000	86,659,200	3,000	86.659.200
<i>Tổng công ty Tài chính CP Dầu khí Việt Nam (PVF)</i>	17,000	673,329,125	12,000	519.946.625
<i>Công ty CP vận tải dầu khí (PVT)</i>	23,100	328,127,630	23,130	432.056.250
<i>Tổng Công ty cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVX)</i>	3,699	36,989,700	6,000	191.926.500
<i>Công ty Cổ phần Công nghệ Viễn thông Sài Gòn (SGT)</i>	-		3,000	83.048.400
<i>Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội (SHB)</i>	24,000	666,884,000	16,000	506.884.000
<i>Công ty CP chứng khoán Sài Gòn Hà Nội (SHS)</i>	6,000	156,315,000	3,000	126.315.000
<i>Ngân hàng TMCP ngoại thương Việt Nam (VCB)</i>	5,463	285,190,000	5,000	280.560.000
Trái phiếu đầu tư ngắn hạn		68,000,000		
<i>Công ty CP Cơ điện lạnh Việt Nam REE</i>	68	68,000,000		
Tiền gửi có kỳ hạn		21,301,500,000		8,850,000,000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(1,821,248,609)		(1,090,037,291)
Cộng		24,313,229,600		12,941,279,000



Văn Minh Hoàng
Kế toán trưởng



TP Hồ Chí Minh, ngày 31/03/2011

Lê Văn Chính
Tổng giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 2

Tăng, giảm TSCĐ hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	14,928,350,764	24,331,344,278	18,205,005,999	1,189,692,220	58,654,393,261
- Mua trong năm		214,004,105	2,097,638,563	137,182,038	2,448,824,706
- Đầu tư XD CB hoàn thành	102,505,537				102,505,537
- Tăng khác		-		47,755,238	47,755,238
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán		(524,838,236)	(371,950,000)	(129,074,116)	(1,025,862,352)
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	15,030,856,301	24,020,510,147	19,930,694,562	1,245,555,380	60,227,616,390
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	7,395,326,233	15,140,283,924	8,682,929,472	741,638,522	31,960,178,151
- Khấu hao trong năm	601,704,373	1,792,434,516	1,797,898,083	153,902,578	4,345,939,550
- Tăng khác					-
- Chuyển sang BĐS đầu tư					-
- Thanh lý, nhượng bán		(168,224,023)	(371,950,000)	(13,124,387)	(553,298,410)
- Giảm khác		(260,991,100)		(77,811,119)	(338,802,219)
Số dư cuối năm	7,997,030,606	16,503,503,317	10,108,877,555	804,605,594	35,414,017,072
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	7,533,024,531	9,191,060,354	9,522,076,527	448,053,698	26,694,215,110
- Tại ngày cuối năm	7,033,825,695	7,517,006,830	9,821,817,007	440,949,786	24,813,599,318

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp đảm bảo các khoản vay:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm chờ thanh lý:

12,405,225,703

- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai:



Văn Minh Hoàng
Kế toán trưởng



TP Hồ Chí Minh, ngày 31/03/2011

Lê Văn Chính
Tổng giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 4

Tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền SD đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	4,686,848,000				4,686,848,000
- Mua trong năm					-
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp					-
- Tặng do hợp nhất kinh doanh					-
- Tặng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	4,686,848,000	-	-	-	4,686,848,000
Hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	1,455,643,146				1,455,643,146
- Khấu hao tăng trong năm	234,342,396				234,342,396
- Tăng khác					-
- Thanh lý, nhượng bán					-
- Giảm khác					-
Số dư cuối năm	1,689,985,542	-	-	-	1,689,985,542
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm	3,231,204,854	-	-	-	3,231,204,854
- Tại ngày cuối năm	2,996,862,458	-	-	-	2,996,862,458



Văn Minh Hoàng
Kế toán trưởng



TP Hồ Chí Minh, ngày 31/03/2011

Lê Văn Chính
Tổng giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 5

Tăng, giảm BĐS đầu tư

Khoản mục	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Nguyên giá	46,633,928,942	5,623,181,868	-	52,257,110,810
- Quyền sử dụng đất	46,633,928,942	5,623,181,868		52,257,110,810
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-
Giá trị hao mòn lũy kế	2,291,306,205	1,434,055,582	-	3,725,361,787
- Quyền sử dụng đất	2,291,306,205	1,434,055,582		3,725,361,787
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-
Giá trị còn lại	44,342,622,737	-	-	48,531,749,023
- Quyền sử dụng đất	44,342,622,737			48,531,749,023
- Nhà				-
- Nhà và quyền sử dụng đất				-
- Cơ sở hạ tầng				-



Văn Minh Hoàng
Kế toán trưởng

TP Hồ Chí Minh, ngày 31/03/2011




Lê Văn Chính
Tổng giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNHPhụ lục 6**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	Cuối năm		Đầu năm	
	SL	Giá trị	SL	Giá trị
Đầu tư vào công ty con		-		-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1,300,000,000		1,300,000,000
- Công ty CP Tháp Nam Việt	130,000	1,300,000,000	130,000	1,300,000,000
Đầu tư dài hạn khác		4,500,000,000		4,500,000,000
- Đầu tư cổ phiếu		4,500,000,000		4,500,000,000
Công ty cổ phần BOT Cầu Đồng Nai	400,000	4,000,000,000	400,000	4,000,000,000
Công ty cổ phần Thủy Điện Srok Miêng IDICO	50,000	500,000,000	50,000	500,000,000
- Đầu tư trái phiếu	-	-	-	-
- Đầu tư tín phiếu, kỳ phiếu	-	-	-	-
- Cho vay dài hạn	-	-	-	-
Cộng		5,800,000,000		5,800,000,000

TP Hồ Chí Minh, ngày 31/03/2011



Văn Minh Hoàng
Kế toán trưởng



Lê Văn Chính
Tổng giám Đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CHƯƠNG DƯƠNG

225 Bến Chương Dương, P.Cô Giang, Q.01, TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Phụ lục 7

Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ ĐPPT	Quỹ Dự phòng TC	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	36,000,000,000	37,411,115,000	(909,515,400)	10,173,819,197	2,902,879,898	25,001,644,445	110,579,943,140
- Tăng vốn trong năm trước	28,657,150,000	11,065,694,600	-	-	-	-	39,722,844,600
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	22,218,890,914	22,218,890,914
- Tăng khác	-	-	909,515,400	1,382,963,121	1,131,269,700	-	3,423,748,221
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(26,099,794,136)	(26,099,794,136)
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	64,657,150,000	48,476,809,600	-	11,556,782,318	4,034,149,598	21,120,741,223	149,845,632,739
- Tăng vốn trong năm nay	60,000,000,000	28,665,200,000	-	-	-	-	88,665,200,000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	28,859,115,491	28,859,115,491
- Tăng khác	-	-	-	1,923,318,052	1,373,798,608	68,041,404	3,365,158,064
- Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-	(24,494,932,481)	(24,494,932,481)
Số dư cuối năm nay	124,657,150,000	77,142,009,600	-	13,480,100,370	5,407,948,206	25,552,965,638	246,240,173,814



Văn Minh Hoàng
Kế toán trưởng



TP Hồ Chí Minh, ngày 31/03/2011

Lê Văn Chính
Tổng giám Đốc